

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy chế Công khai trong trường học

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trường THCS Phan Đình Giót xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

1. Mục tiêu thực hiện công khai

- Nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng môi trường đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung thực hiện công khai

a) Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

*** Cam kết chất lượng giáo dục:**

Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và phương pháp quản lý của nhà trường; chỉ tiêu về học lực, hạnh kiểm, chỉ tiêu chất lượng mũi nhọn...

*** Chất lượng giáo dục thực tế.**

Công khai về chất lượng giáo dục: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối kỳ, cuối năm học theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp Quận, Thành phố; tỉ lệ huy động số học sinh TN tiểu học vào lớp 6, số học sinh đủ điều kiện dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, tỉ lệ học sinh được tuyển vào THPT.

Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

*** Kiểm định nhà trường:**

Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

b, Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

*** Cơ sở vật chất:**

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập; số thiết bị dạy học đang sử dụng; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng, tường rào bảo vệ...



*** Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo, ...

*** Công khai thu chi tài chính**

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo.

- Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

3. Hình thức và thời điểm công khai

a) Hình thức:

Công khai trên website của nhà trường.

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.

- Công khai trong các cuộc họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

b) Thời điểm công khai:

Công khai định kỳ hàng tháng, hàng kỳ, hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

4. Tổ chức thực hiện

a) Trách nhiệm của hiệu trưởng:

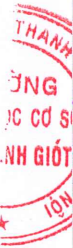
- Triển khai kế hoạch Quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 đến tập thể CBGV, NV và phụ huynh học sinh.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, của các cấp.

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem.



+ Đưa lên website của nhà trường.

b) Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Thị Hoài Sâm	Phó Hiệu trưởng PT	Trưởng ban
2	Trần Thị An	Phó Hiệu trưởng	Phó ban
3	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Chủ tịch Công đoàn	Phó ban
4	Phạm Thu Thủy	Trưởng ban TTND	Ủy viên
5	Phạm Thế Anh	Tổng phụ trách, Bí thư Đoàn	Ủy viên

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (để b/c);
- CB-GV-NV;
- Công khai theo quy định;
- Lưu VT.

**TRƯỞNG BAN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PT**



Hoàng Thị Hoài Sâm



UBND QUẬN THANH XUÂN
TRƯỜNG THCS PHAN ĐÌNH GIÓT

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của Trường THCS Phan Đình Giót năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1737	513	411	389	424
1	Tốt (99,14%)	1722	510	403	386	423
2	Khá (0,81%)	14	3	7	3	1
3	Trung bình (0,06)	1		1		
4	Yếu					
II	Số học sinh chia theo học lực	1737	513	411	389	424
1	Giỏi (60,22%)	1046	333	226	238	249
2	Khá (33,85%)	588	157	148	132	151
3	Trung bình (5,41%)	94	23	33	16	22
4	Yếu (0,17%)	3		3		
5	Kém					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (99,88%)	1753	425	387	424	517
a	Học sinh XS, Giỏi (65,72%)	1046	333	226	238	249
b	Học sinh tiên tiến (21,16%)	588	157	148	132	151
2	Thi lại					
3	Lưu ban					
4	Chuyển trường đến/đi	5/9	3/3	0/3	2/3	0
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	249				
1	Cấp quận	96				
2	Cấp tỉnh/thành phố	6				



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	147				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	424				424
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	424				424
1	Giỏi (59) (tỷ lệ so với tổng số)	249				249
2	Khá (35,8) (tỷ lệ so với tổng số)	151				151
3	Trung bình (4,26) (Tỷ lệ so với tổng số)	22				22
VII	Tỷ lệ % theo học các trường THPT (công lập, ngoài công lập, trung tâm GDTX): 100%	424				424
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	889/848	262/251	215/196	185/204	227/197
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	19	6	7	2	4

Thanh Xuân, ngày 25 tháng 08 năm 2022

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PT

(Ký tên và đóng dấu)



Hoàng Thị Hoài Sâm



UBND QUẬN THANH XUÂN
TRƯỜNG THCS PHAN ĐÌNH GIÓT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THCS Phan Đình Giót
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	38	1,12 m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	38	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	11	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	51	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	3278,6 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	600 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	308 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	200 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	55 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	02	0,18 bộ/ 1 lớp
1.2	Khối lớp 7	02	0,25 bộ/ 1 lớp
1.3	Khối lớp 8	02	0,25 bộ/ 1 lớp
1.4	Khối lớp 9	02	0,25 bộ/ 1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp		
2.2	Khối lớp		
2.3	Khối lớp		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	112	16 HS/ bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	46	
5	Thiết bị khác (đàn)	25	



IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	41	
5	Thiết bị khác (đàn)	24	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	48
XI	Nhà ăn	52

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú (tại lớp học)	21 (1134 m ²)	900	1,26 m ² / chỗ
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		18		0,1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Sử dụng nguồn nước sạch sông Đà	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Sử dụng điện lưới	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	thcsphandinhiot.pgdthanhxuan.edu.vn	
XIX	Tường rào xây	Có tường rào cao 2,5m bao quanh toàn trường	

Thanh Xuân, ngày 25 tháng 08 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PT

(Ký tên và đóng dấu)



Hoàng Thị Hoài Sâm

UBND QUẬN THANH XUÂN
TRƯỜNG THCS PHAN ĐÌNH GIÓT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường THCS Phan Đình Giót năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp năm học 2022- 2023				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	C.Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	72		14	55	3			34	27	3	54	8		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	64		12	50	2			33	26	3	52	8		
1	Văn	11		3	8				4	7		10	1		
2	Toán	11		4	7				3	5	3	10	1		
3	Lý	2			2				1	1		1	1		
4	Hóa	2			2				1	1		1	1		
5	Sinh	3		1	2				2	1		3			
6	KHTN	3			3				3						
7	Sử	5		2	3				2	3		4	1		
8	Địa	4			3	1			3	1		3	1		
9	GDCD	3			3				2	1		3			
10	Tiếng Anh	6		1	5				2	4		5	1		
11	Công nghệ	3			3				1	2					
12	Thể dục	4			4				4			3			
13	Âm Nhạc	2			1	1			2			1	1		
14	Mỹ Thuật	2		1	1				2			2			
15	Tin Học	3			3				1	2		2			
II	Cán bộ quản lý	2		2					1	1					
1	Hiệu trưởng														
2	Phó hiệu trưởng	2		2					1	1					
III	Nhân viên	6			5	1									
1	Nhân viên văn thư				1										
2	Nhân viên kế toán				1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế					1									
5	Nhân viên thư viện				1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm				2										

Thanh Xuân, ngày 25 tháng 08 năm 2022

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PT

(Ký tên và đóng dấu)



Hoàng Thị Hoài Sâm

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Phan Đình Giót, năm học 2023-2024

STT	NỘI DUNG	CHIA THEO KHỐI LỚP			
		LỚP 6	LỚP 7	LỚP 8	LỚP 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét tuyển	Xét tuyển	Xét tuyển	Xét tuyển
II	Chương trình giáo dục nhà trường tuân thủ	Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa gia đình và nhà trường về thái độ học tập của học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và CMHS có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong công tác giáo dục học sinh toàn diện; làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục. - Học sinh phải có thái độ, động cơ học tập đúng đắn, tuân thủ các quy định về học tập theo Điều lệ trường THCS và trường PT có nhiều cấp học do Bộ GD&ĐT ban hành; nội quy, quy định của nhà trường. 			
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường cam kết đảm bảo phục vụ tốt hoạt động dạy học.	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, nhà thể chất, các khối phòng phục vụ các hoạt động học sinh được đảm bảo chuẩn theo quy định hiện hành, đáp ứng được yêu cầu giáo dục toàn diện học sinh. - Đảm bảo đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu theo danh mục do Bộ GD&ĐT ban hành. Đầu tư thiết bị CNTT đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ dạy học hiện đại trong các tiết học. - Đảm bảo vệ sinh, khung cảnh sư phạm nhà trường luôn Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - Thân thiện, có tính giáo dục. 			
V	Hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi để góp phần giáo dục toàn diện học sinh, dạy kỹ năng sống cho học sinh, giúp học sinh tự tin khi tham gia các hoạt động... - Có triển khai chương trình dạy 2 buổi/ngày đối với học sinh khối 6,7. - Có tổ chức dạy thêm theo nhu cầu người học trong nhà trường đối với học sinh khối 8,9 			
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 91,4% luôn thực hiện đổi mới phương pháp quản lý, đổi mới phương pháp dạy học theo đúng tinh thần chỉ đạo của ngành, đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. 			
	Kết quả học tập, đạo đức của học sinh dự kiến đạt được.	<ul style="list-style-type: none"> *Học lực: - Giỏi: 70% - Khá: 26% - TB: 3,8% - Yếu: 0,2% 	<ul style="list-style-type: none"> *Hạnh kiểm: - Tốt: 99,2% - Khá: 0,8% - TB: 0% 		


PHÓ HIỆU TRƯỞNG PT
Hoàng Thị Hoài Sâm

TRƯỜNG THCS PHAN ĐÌNH GIÓT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC LỰC, HẠNH KIỂM

CẢ NĂM - NĂM HỌC 2022-2023

*Kết quả 2 mặt giáo dục*

Năm học 2022-2023	SL	Xếp loại hạnh kiểm/đánh giá kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Trung Bình (Đạt)		Yếu (CĐ)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 8,9	808	806	99,75	4	0,5				
Khối 6,7	923	912	98,81	10	1,08	1	0,11		

Năm học 2022-2023	SL	Xếp loại học lực – Đánh giá Kết quả học tập									
		Giỏi (Tốt)		Khá		TB (Đạt)		Yếu (CĐ)		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 8,9	808	499	61,76	276	34,16	33	4,08				
Khối 6,7	923	577	62,51	298	32,29	45	4,88	3	0,33		